

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2020/HS-ST
Ngày 15- 5 - 2020

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ K, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Đường

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Xuân Thọ;

- Ông Sái Văn Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Tuyết Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/TLST- HS ngày 17 tháng 3 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 13/3/1984, tại Vĩnh Phúc; nơi đăng ký hộ khẩu Hồng trú và chỗ ở: Thôn N 2, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc T và bà Nguyễn Thị H; vợ: Đỗ Thúy K; con: 01 con; tiền sự: không; tiền án: 04, tại Bản án số 52/2005/HSST ngày 31/5/2005 của Tòa án nhân dân thị xã K (nay là thành phố K) xử phạt Nguyễn Ngọc T 08 năm tù về tội: “Cướp tài sản”. Ngày 23/9/2011, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tại Bản án số 41/2012/HSST ngày 15/8/2012 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Nguyễn Ngọc T 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản trộm cắp là 440.000 đồng). Ngày 09/02/2013, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tại Bản án số 20/2014/HSST ngày 28/4/2014 của Tòa án nhân dân huyện B xử phạt Nguyễn Ngọc T 03 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Ngày 15/10/2016 chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; Tại Bản án số 75/2017/HSST ngày 27/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện B căn cứ điểm a khoản 1 Điều 249 BLHS năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46, điểm g khoản 1 Điều 48 BLHS năm 1999: xử phạt Nguyễn Ngọc T 02 năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (tàng trữ 0,0268 gam ma túy Heroin). Ngày

12/9/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương; nhân thân: Tại Bản án số 56/HSST ngày 27/6/2003 của Tòa án nhân dân thị xã K (nay là thành phố K) xử phạt Nguyễn Ngọc T 09 tháng tù về tội: “Trộm cắp tài sản” (trị giá tài sản trộm cắp là 641.520 đồng). Ngày 22/12/2003, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù trở về địa phương. Ngày 17/12/2013 Công an phường H, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 56/QĐ-XPVPHC đối với Nguyễn Ngọc T về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy, hình thức phạt là phạt tiền, mức phạt 750.000đ. Sau khi ra Quyết định, Công an phường H đã 02 lần tiến hành đôn đốc T thực hiện Quyết định, tuy nhiên T chưa nộp phạt. Đến nay đã hết thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 6 và Điều 7 Luật xử lý vi phạm hành chính. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/12/2019 cho đến nay (có mặt).

Người làm chứng:

- Ông Ngô Đức H, sinh năm 1953; địa chỉ: Khu 3, phường Đ, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 55 phút ngày 19/12/2019, Tổ công tác của Công an phường Đ, thành phố K làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát tại khu vực đường S thuộc khu hành chính 3, phường Đ, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, phát hiện Nguyễn Ngọc T đang điều khiển xe máy BKS 47P4 - 2927 có biểu hiện nghi vấn liên quan đến ma túy. Tổ công tác đã tiến hành kiểm tra và thu giữ tại lòng bàn tay trái của T 01 gói giấy nhỏ bên trong có chứa chất bột cục màu trắng, tiến hành niêm phong theo quy định của pháp luật ký hiệu A1 (T tự khai nhận đó là gói ma túy heroin T vừa mua để sử dụng cho bản thân). Ngoài ra còn tạm giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel và 01 xe máy nhãn hiệu Honda, BKS 47P4 - 2927. Sau đó Tổ công tác tiến hành lập biên bản sự việc, đưa T về trụ sở làm việc và bàn giao hồ sơ, đối tượng có hành vi vi phạm đến Công an thành phố K để giải quyết theo thẩm quyền.

Tại Kết luận giám định số 2661/KLGD ngày 22/12/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận: “*Chất bột, cục màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy lẫn tạp chất, loại Heroin (Heroin là chất ma túy nằm trong danh mục I, STT 9, Nghị định 73 ngày 15/5/2018 của Chính phủ). Khối lượng của mẫu gửi giám định là 0,2319gam (Không phải hai ba một chín gam, không kể bao bì). Khối lượng Heroin trong 0,2319 gam mẫu là 0,0735 gam (Không phải không bảy ba năm gam). Hoàn trả trực tiếp đối tượng giám định còn lại sau giám định cho cơ quan trưng cầu phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc gồm: 0,1257gam mẫu và và toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả” (BL:28).*”

Về nguồn gốc số ma túy, quá trình điều tra T khai nhận ngày 19/12/2019 T điều khiển xe máy đến một ngôi nhà đóng kín cửa, khóa trái ở bên trong ở đường S, phường Đ, thành phố K. Khi mua ma túy T đưa 200.000đ qua khe cửa thì có người ở bên trong cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói Heroin. T không nhìn thấy người bán ma túy cho T nên không rõ họ tên, tuổi, đặc điểm nhận dạng của người này và không nhớ vị trí cụ thể của ngôi nhà.

Tại Cáo trạng số: 47/CT-VKSND VY ngày 16/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K đã truy tố Nguyễn Ngọc T về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa, bị cáo Nguyễn Ngọc T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung đã nêu trên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Đào Văn H và người làm chứng ông Ngô Đức H vắng mặt tại phiên tòa nhưng quá trình điều tra khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng đã nêu trên (bút lục từ 92 – 105).

Đại diện Viện kiểm sát luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng. Căn cứ vào tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T từ 6 năm đến 06 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/12/2019). Áp dụng khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,1257 gam mẫu cùng toàn bộ bao gói được niêm phong trong cùng một bao gói giấy “Mẫu trả”; trả lại cho Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen (đã cũ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án

Bị cáo T không bào chữa và tranh luận gì, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Ngọc T tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng về thời gian, địa điểm, mục đích, động cơ phạm tội, cùng các tang vật đã thu giữ, các tài liệu, chứng cứ được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 06 giờ 55 phút ngày 19/12/2019, tại khu vực đường S thuộc khu hành chính 3, phường Đ, thành phố K, tỉnh Vĩnh Phúc, Nguyễn Ngọc T có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy Heroin để sử dụng cho nhu cầu nghiện của

bản thân thì bị Tổ công tác của Công an phường Đ, thành phố K kiểm tra phát hiện, thu giữ của T 01 gói giấy nhỏ bên trong có chứa 0,2319 gam chất bột cục màu trắng, qua giám định xác định là ma túy lẫn tạp chất loại Heroin, khối lượng Heroin trong mẫu vật thu giữ là 0,0735gam.

Hành vi của Nguyễn Ngọc T đã phạm vào tội: “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nội dung điều luật quy định:

“2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

o, Tái phạm nguy hiểm.”

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự trị an và an toàn trong xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe của con người, làm tác hại cho chính bản thân người nghiện và gia đình họ cũng như cho cộng đồng nói chung. Do vậy, cần phải xử lý thật nghiêm minh mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[2] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo phạm tội theo điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức cao nhất của khung hình phạt tù đến 10 năm nên theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 9 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì trường hợp nêu trên thuộc tội phạm rất nghiêm trọng.

Bị cáo là người có nhân thân xấu có 04 tiền án, đã bị áp dụng tình tiết tái phạm chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này bị áp dụng tình tiết định khung hình phạt là: “Tái phạm nguy hiểm” quy định tại điểm o khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần cho bị cáo. Căn cứ hành vi phạm tội của bị cáo cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa để buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo trở thành người lương thiện, người công dân có ích cho xã hội.

[3] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên và Kiểm sát viên đã thực hiện đều hợp pháp.

[4] Đối với người có liên quan trong vụ án:

Đối với người bán ma túy cho T, quá trình điều tra T khai nhận mua ma túy tại một ngôi nhà nhà đóng kín cửa, khóa trái bên trong ở ven đường S, phường Đ, thành phố K, khi mua T đưa 200.000đ qua khe cửa thì có người ở bên trong cầm tiền và đưa lại cho T 01 gói ma túy Heroin qua khe cửa. T không nhìn thấy người bán ma túy cho T nên không rõ tên, tuổi, đặc điểm nhận dạng của người này, T cũng không nhớ vị trí cụ thể của ngôi nhà này nên không chỉ dẫn được cho Cơ quan điều tra để xác minh, làm rõ hành vi của người bán ma túy cho T. Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Công an phường Đ, thành phố K về ngôi nhà trên, kết quả rà soát xác minh nhưng chưa xác định được. Ngoài lời khai của T thì cũng không có tài liệu nào xác định nhân thân, lai lịch người đã bán ma túy cho T. Do vậy, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 thì người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa xác định bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về vật chứng:

Đối với 0,1257gam cùng toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định, không có giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với chiếc xe máy Hon da BKS: 47P4- 2927, quá trình điều tra xác định: Chiếc xe máy là của chị Nguyễn Thị B, đăng ký xe mang tên chị B, năm 2017, chị B bán chiếc xe này cho ông Đào Văn H, sau khi mua xe ông H không làm thủ tục sang tên và sử dụng làm phương tiện đi lại. Ngày 19/12/2019, T mượn xe của ông H để đi có việc sau đó T sử dụng xe máy đi mua ma túy để sử dụng ông H không biết. Xác định chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của ông H, ngày 03/3/2020, Cơ quan CSĐT Công an thành phố K đã trả lại chiếc xe trên cho ông H nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen, đã cũ thu giữ của Nguyễn Ngọc T, quá trình điều tra xác định chiếc điện thoại này là tài sản hợp pháp của T, không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy, cần trả lại cho T, nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm o khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 05 (Năm) năm tù về tội: “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 19/12/2019).

Căn cứ khoản 1, 2 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu tiêu hủy 0,1257gam mẫu cùng toàn bộ bao gói là mẫu vật hoàn lại sau giám định; trả lại cho Nguyễn Ngọc T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel màu đen (đã cũ) nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án (Đặc điểm tang vật như biên bản giao nhận vật chứng ngày 23/3/2020).

Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; Luật án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Ngọc T phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND thành phố K;
- Công an thành phố K;
- Trại tạm giam - CA Vĩnh Phúc;
- Chi cục thi hành án K;
- Thi hành án hình sự;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Đường

